

Số: 2146/QĐ-ĐHSPKT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thay thế Quyết định số 2163/QĐ-ĐHSPKT về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo trình độ đại học ban hành kèm theo Quyết định số 1284a/QĐ-ĐHSPKT ngày 10/8/2018 và Quyết định số 1727/QĐ-ĐHSPKT ngày 06/9/2021 của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 465/QĐ-TTg ngày 31 tháng 01 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao quyền tự chủ tài chính giai đoạn 2023-2025 cho các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-HĐT ngày 08 tháng 01 năm 2021 của Hội đồng trường ban hành Quy chế tổ chức hoạt động của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh; Nghị quyết số 118/NQ-HĐT ngày 27 tháng 01 năm 2023 và Nghị quyết số 136/NQ-HĐT ngày 14 tháng 10 năm 2023 của Hội đồng trường về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức hoạt động của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 132/NQ-HĐT ngày 14 tháng 10 năm 2023 của Hội đồng trường về công tác cán bộ lãnh đạo Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1284a/QĐ-ĐHSPKT ngày 10 tháng 8 năm 2018 về việc ban hành Hướng dẫn thực hiện Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ; được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 2163/QĐ-ĐHSPKT ngày 11 tháng 7 năm 2023 của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. HCM (áp dụng từ khóa 2020 về trước);

Căn cứ Quyết định số 1727/QĐ-ĐHSPKT ngày 06 tháng 9 năm 2021 về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học; được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 1914/QĐ-ĐHSPKT ngày 28 tháng 6 năm 2022; Quyết định số 456/QĐ-ĐHSPKT ngày 06 tháng 02 năm 2023; Quyết định số 2163/QĐ-ĐHSPKT ngày 11 tháng 7 năm 2023 và Quyết định số 495/QĐ-ĐHSPKT ngày 26 tháng 02 năm 2024 của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh (áp dụng từ khóa 2021 trở đi);

Căn cứ Biên bản họp số 1959/BB-HĐKHĐT ngày 22 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng khoa học và đào tạo trường;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thay thế Điều 1 của Quyết định số 2163/QĐ-ĐHSPKT ngày 11/7/2023 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo trình độ đại học ban hành kèm theo Quyết định số 1284a/QĐ-ĐHSPKT ngày 10/8/2018 và Quyết định số 1727/QĐ-ĐHSPKT ngày 06/9/2021 của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. HCM như sau:

Chuẩn đầu ra ngoại ngữ đối với sinh viên đại học chính quy không thuộc các ngành chuyên ngoại ngữ như sau:

450 điểm của bài thi TOEIC 2 kỹ năng đọc và nghe (áp dụng đối với khóa 2012, 2013);

500 điểm của bài thi TOEIC 2 kỹ năng đọc và nghe hoặc 790 điểm của bài thi TOEIC 4 kỹ năng hoặc trình độ B1 của Aptis ESOL (General hoặc Advanced) hoặc Tiếng Nhật (JLPT N4, NATTEST N4, JLAN J4) hoặc Tiếng Hàn mức độ Topik II level 3 hoặc trình độ tương đương của các ngoại ngữ ghi ở điều 2 của quyết định này (áp dụng từ khóa 2014 trở đi).

Chuẩn đầu ra ngoại ngữ đối với sinh viên đại học chính quy các ngành chuyên ngoại ngữ như Sư phạm tiếng Anh và Ngôn ngữ Anh: trình độ C1.

Điều 2. Thay thế Điều 2 của Quyết định số 2163/QĐ-ĐHSPKT ngày 11/7/2023 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo trình độ đại học ban hành kèm theo Quyết định số 1284a/QĐ-ĐHSPKT ngày 10/8/2018 và Quyết định số 1727/QĐ-ĐHSPKT ngày 06/9/2021 của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. HCM như sau:

Sinh viên phải có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ sau: chứng chỉ tiếng Anh quốc tế trình độ tương đương (TOEIC, IELTS, TOEFL iBT (không phải phiên bản home edition), TOEFL ITP, Aptis ESOL, VSTEP), tiếng Nhật (JLPT, NATTEST, JLAN), tiếng Pháp (CIEP/Alliance française diplomas), tiếng Đức (Goethe – Institut, The German TestDaF language certificate), tiếng Trung (HSK), tiếng Nga (TPKI), tiếng Hàn hoặc tham dự kỳ thi tiếng Anh đầu ra do nhà trường tổ chức để được xét tốt nghiệp. Chuẩn đầu ra ngoại ngữ của các hệ đào tạo được quy định tại Bảng P2. Trình độ tiếng Anh tương đương được liệt kê trong các quy định về chuyển đổi điểm các học phần ngoại ngữ.

Bảng P2: Chuẩn đầu ra ngoại ngữ các hệ đào tạo đại học

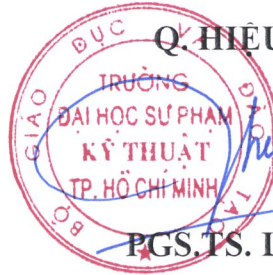
Hệ đào tạo	Tiếng Anh (TOEIC 2 kỹ năng)	Tiếng Anh (TOEIC 4 kỹ năng)	Tiếng Anh (Aptis ESOL)	Khung Năng lực ngoại ngữ 6 bậc (VSTEP)	Tiếng Nhật	Tiếng Pháp	Tiếng Đức	Tiếng Trung	Tiếng Nga	Tiếng Hàn
Mức điểm tối thiểu										
Đại học chính quy	500					TCF: 300-399	Goethe-Zertifikat B1			
Đại học Vừa làm vừa học	450	790	B1	Bậc 3	N4, J4	Văn bằng DELF B1 Diplôme de Langue	hoặc TestDaF Bậc 3 (TDN 3)	HSK Bậc 3	TPKI-1	Topik II level 3
Đại học ngành SP tiếng Anh và Ngôn ngữ Anh	C1 (IELTS hoặc CAE hoặc TOEFL iBT)			Bậc 5						

Điều 3. Quyết định này thay thế cho Quyết định số 2163/QĐ-ĐHSPKT ngày 11/7/2023 của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. HCM. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Trường các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu;
- Như Điều 4;
- Lưu: VT, ĐT.



Q. HIẾU TRƯỜNG

PGS.TS. Lê Hiếu Giang